

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tài

Ông Bùi Hoàng Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp H1, xã X, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp T2, xã N1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Hoàng E, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/5/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Phạm Văn Hoàng E thành hôn vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/7/2019. Thời gian vợ chồng chung sống khoảng 01 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 5/2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng E. Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung tên Phạm Yến N, sinh ngày 27/03/2020 hiện đang sống chung với chị. Chị

T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Hoàng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2020 anh Phạm Văn Hoàng E trình bày: Sau khi chị T sinh con, anh rước chị T về nhà anh, chị T không đi nên anh có nhiều hành vi đòi bắt con, làm cho chị T thấy sợ anh nên ẵm con bỏ đi trốn anh cho đến nay. Anh thấy có lỗi với chị T và rất hối hận về hành vi của mình, anh không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho con. Hiện tại anh đi làm lương cố định mỗi tháng 14.000.000đ, anh cam kết mỗi tháng sẽ gửi về cho chị T 5.000.000đ để chị T lo cho con.

Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2020 bà Nguyễn Xuân H là mẹ ruột của chị T trình bày: Thời gian vợ chồng T và Hoàng E sống chung đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh đến khi T gần sinh con về sống chung với bà, để chờ ngày sinh. Sau khi T sinh được 01 tháng, Hoàng E đến rước T về, T không đồng ý về, vợ chồng xô xát nhau, Hoàng E dùng lời lẽ xúc phạm T, hăm dọa, gây áp lực về tinh thần đối với T, gia đình bà và T hoảng sợ không dám để T sống chung gia đình bà. Bà thống nhất việc T xin ly hôn với Hoàng E vì thấy T sống với Hoàng E không có hạnh phúc, luôn sống trong cảnh lo sợ. Cháu Phạm Yến N từ khi sinh ra đến nay do T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà sẽ phụ T chăm sóc nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng E, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh Hoàng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Anh Hoàng E có ý kiến tại Tòa cam kết sẽ gửi cho chị mỗi tháng 5.000.000đ để chị nuôi con nhưng từ khi anh Hoàng E cam kết đến nay anh Hoàng E có gửi 01 lần 2.000.000đ để chị nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa là không tuân thủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn Hoàng E.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Yến N, sinh ngày 27/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Hoàng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn, anh Hoàng E có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Phạm Văn Hoàng E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng E.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Văn Hoàng E thành hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/7/2019 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do sau khi chị sinh con, anh Hoàng E đến rước chị về, chị không đồng ý về, anh Hoàng E có hành động, cử chỉ và hành vi mất kiểm soát, đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của chị và con chị nên chị rất sợ không thể tiếp tục sống chung với anh Hoàng E. Anh Hoàng E cũng thừa nhận anh có hành vi, thái độ làm cho chị T hoảng sợ nên ẵm con bỏ trốn cho đến nay, anh hối hận hành vi đã làm và tha thiết xin đoàn tụ. Tòa án triệu tập các đương sự đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ chị T, anh Hoàng E đoàn tụ nhưng anh Hoàng E vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh Hoàng E đến tham gia phiên tòa nhưng anh Hoàng E vẫn vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh Hoàng E không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Hoàng E lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Văn Hoàng E có 01 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 27/3/2020 hiện đang sống chung với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Phạm Yến N, sinh ngày 27/3/2020 hiện dưới 12 tháng tuổi cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ và anh Hoàng E cũng không có ý kiến phản đối về việc chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con. Do đó, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phạm Yến N là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Thanh T là người đang trực tiếp nuôi con, chị T yêu cầu anh Hoàng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Hoàng E có ý kiến trình bày lương cố định là 14.000.000đ/tháng và cam kết sẽ gởi cho chị T mỗi tháng 5.000.000đ để chị T nuôi con nhưng chị T chỉ yêu cầu anh Hoàng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là có lợi cho anh Hoàng E, có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Văn Hoàng E không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và anh Phạm Văn Hoàng E có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn với anh Phạm Văn Hoàng E.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Yến N, sinh ngày 27/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Hoàng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu

trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016132 ngày 21/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị T đã nộp đủ.

Buộc anh Phạm Văn Hoàng E có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã N1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga